TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 14 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đức Lâm;
Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2024/HSST Ngày 23 tháng 2 năm 2024, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS Ngày 29/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn D; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1961 (Đã chết) và bà Lưu Thị N, sinh năm 1962; Vợ, con: Chưa có; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ Ngày 26/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hiệp Hoà (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn V; Tên gọi khác: Không; sinh năm 1980;

Nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 8/12

Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; Bị cáo có 03 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010);

Gia đình có 04 anh chị em, bị can là con thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ Ngày 26/12/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hiệp Hoà (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người chứng kiến:**

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh D Văn H, sinh năm 1997 (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992 (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 25 phút Ngày 26/12/2023 tại quán cà phê Thảo Nguyên thuộc Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang; Công an thị trấn Thắng phối hợp với Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an huyện Hiệp Hòa bắt quả tang Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1980 đều ở thôn B, xã H, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm: thu tại tay trái của D 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa, viền màu đỏ bên trong có chứa: 03 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa viền màu đỏ, bên trong mỗi túi đều chứa 01 viên nén màu hồng và tinh thể màu trắng (nghi là ma tuý) và 03 mảnh giấy bạc (Tất cả được niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu "QT"). Ngoài ra, còn thu giữ của D 01 điện thoại di động OPPO; 01 xe mô tô biển kiểm soát 29FB-2855 và số tiền 200.000 đồng. Thu giữ của V: 01 điện thoại di động Iphone và số tiền 50.000 đồng.

Tiến hành kiểm tra việc sử dụng ma tuý đối với D và V, kết quả: D và V đều D tính với chất ma tuý.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D và V. Kết quả: không thu giữ gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 20/KL-KTHS Ngày 03/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

"Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "QT" được niêm phong gửi giám định:

- Trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khoá bằng nhựa, viền màu đỏ: 03 (ba) viên nén màu hồng đỏ và chất tinh thể màu trắng đựng trong 03 (ba) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khoá bằng nhựa, viền màu đỏ đều là ma tuý, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,609 gam" (BL 25).

Về nguồn gốc số ma túy trên tại Cơ quan điều tra, D và V khai nhận: D và V đều là đối tượng nghiện ma tuý nên khoảng 20 giờ Ngày 26/12/2023, V rủ D cùng nhau góp tiền đi mua ma tuý để sử dụng. D và V thống nhất góp mỗi người 150.000 đồng để mua ma tuý đá và hồng phiến để cùng nhau sử dụng nhưng D sẽ ứng trước tiền mua ma tuý còn V sẽ trả sau. Sau đó, D sử dụng xe mô tô biển

kiểm soát 29FB-2855 của D chở V đến quán cà phê Thảo Nguyên ở tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. V đi vào chòi cà phê của quán ngồi đợi còn D một mình điều khiển xe mô tô đến một ngôi nhà gần cây xăng Quy Nguyệt ở thị trấn Thắng để mua ma tuý. Tại đây, D gặp một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ và hỏi mua 300.000 đồng tiền ma tuý thì được người này bán cho 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 03 mảnh giấy bạc, 03 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa 01 viên ma tuý. D cầm ma tuý về quán Thảo Nguyên gặp V và nói đã mua được ma túy thì V đưa cho D 200.000 đồng tiền góp mua ma tuý. D trả lại cho V 50.000 đồng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang (BL 89-128) thu giữ toàn bộ số ma túy vừa mua được.

Đối với đối tượng đã bán ma tuý cho D gần cây xăng Quy Nguyệt: Quá trình điều tra D khai không biết rõ tên, tuổi và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 phong bì ký hiệu "QT" đựng vật chứng đã được niêm phong hoàn lại sau giám định:

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 29FB-2855 là của D sử dụng để đi mua ma tuý; 01 điện thoại di động OPPO và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE; số tiền 250.000 đồng thư giữ của D và V được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-HH Ngày 21 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn V về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo D và V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về căn cứ pháp luật và hình phạt:

1.1. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn D từ 01 năm 08 tháng đến 01 năm 10 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Thời hạn tù tính từ Ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 26/12/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

1.2. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1

Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn V từ 01 năm 05 tháng đến 01 năm 07 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Thời hạn tù tính từ Ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 26/12/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo V.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ký hiệu "QT" đựng vật chứng đã được niêm phong hoàn lại sau giám định:

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 29FB-2855 (Biển kiểm soát này đang gắn trên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da có số máy: VLKZS150FMG 000006627; Số khung: LLKXCG 001LX 006627).

- Tịch thu để sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon Da có số máy: VLKZS150FMG 000006627; Số khung: LLKXCG 001LX 006627.

- Tịch thu để sung quỹ nhà nước số tiền 250.000 đồng (Trong đó 200.000đ thu giữ của D và 50.000đ thu giữ của V).

- Trả lại bị cáo D 01 điện thoại di động OPPO F7, viền màu đen, lưng máy mày xanh, số Sêri TSNVR4CIQC7H55KB (Đang được niêm phong trong một phong bì thư), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo V 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8Plus màu đỏ, số Sêri F2LX94EDJWLM (Đang được niêm phong trong một phong bì thư), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2017 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án:

Buộc Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn V một lần nữa đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được đưa ra xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 20 giờ 25 phút Ngày 26/12/2023, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn V đang có hành vi tàng trữ trái phép tổng số 0,609 gam ma tuý Methamphetamine mục đích để sử dụng thì bị Tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Hiệp Hoà phối hợp với Công an thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa bắt quả tang tại quán cà phê Thảo Nguyên thuộc Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Hành vi cùng nhau góp tiền mua ma túy về tàng trữ để cùng nhau sử dụng của Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất biệt dược gây nghiện của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội. Từ tệ nạn ma túy làm nảy sinh nhiều loại tội phạm khác, gây nhức nhối cho toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù Nguyễn Văn V là người khởi xướng và rủ Nguyễn Văn D cùng góp tiền mua ma túy về sử dụng, tuy nhiên sau khi thấy V đề xuất thì D đồng ý ngay và là người thực hành tích cực, D là người bỏ tiền trước và một mình đi mua ma túy nên Hội đồng xét xử đánh giá vai trò đồng phạm của V và D trong vụ án này là ngang nhau.

[4]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Sau khi xem xét hành vi, vai trò, động cơ mục đích, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy: Các bị cáo là đối tượng thường hay xử dụng ma túy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo V lại thấp hơn bị cáo D. Hội đồng xét xử thấy rằng: như đã nhận định ở trên, trong vụ án này các bị cáo giữ vai trò đồng phạm ngang nhau, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân như nhau nên Hội đồng xét xử Quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo bằng nhau.

[8]. Xét về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan điều tra cho thấy. Các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu thập ổn định; đều là đối tượng hay sử dụng ma túy. Do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về đối tượng bán ma túy cho D: Quá trình điều tra D khai không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý.

[10]. Đối với chiếc xe mô tô (có gắn biển kiểm soát 29FB-2855). Quá trình điều tra bị cáo D khai đã mua chiếc xe này của một người không quen biết, tuy nhiên chiếc biển kiểm soát 29FB-2855 có phải của chiếc xe bị cáo mua hay không thì bị cáo không biết. Quá trình điều tra xác định chiếc biển kiểm soát 29FB-2855 không trùng khớp với số khung, số máy của chiếc xe mô tô của D đã mua và sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy mà là của chiếc xe khác. Qua tra cứu xác định: Chiếc xe mô tô này có số máy là: VLKZS150FMG 000006627; Số khung: LLKXCG 001LX 006627 được cấp biển kiểm soát 98H5-5408, hiện nay D không có đăng ký và cũng không có bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến chiếc xe. Tại phiên tòa bị cáo D không có nguyện vọng nhận lại xe. Do vây, cần tịch thu để sung quỹ nhà nước đối với chiếc xe mô tô này.

Đối với chiếc biển kiểm soát 29FB-2855 không phải là của xe mô tô thu giữ của bị cáo D mà là của xe khác và hiện nay không xác định được xe được cấp biển kiểm soát này. Nên cần tịch thu tiêu hủy đối với chiếc biển kiểm soát 29FB-2855.

[11]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định có chứa chất ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ;

- Đối với 01 điện thoại di động OPPO thu giữ của D không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo D, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE thu giữ của V không

dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo V, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với số tiền 250.000 đồng (Trong đó 200.000đ thu giữ của D và 50.000đ thu giữ của V) quá trình điều tra xác định là số tiền D và V góp để mua ma tuý sử dụng nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2017 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ pháp luật và hình phạt:

1.1. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn D 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Thời hạn tù tính từ Ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 26/12/2023.

1.2. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn V 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Thời hạn tù tính từ Ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 26/12/2023.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ký hiệu "QT" đựng vật chứng là ma túy đã được niêm phong hoàn lại sau giám định:

- Tịch thu để sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon Da có số máy: VLKZS150FMG 000006627; Số khung: LLKXCG 001LX 006627 của bị cáo D.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 29FB-2855 (Biển kiểm soát này đang gắn trên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da có số máy: VLKZS150FMG 000006627; Số khung: LLKXCG 001LX 006627).

- Tịch thu để sung quỹ nhà nước số tiền 250.000 đồng (Trong đó 200.000đ thu giữ của D và 50.000đ thu giữ của V).

- Trả lại bị cáo D 01 điện thoại di động OPPO F7, viền màu đen, lưng máy mày xanh, số Sêri TSNVR4CIQC7H55KB (Được niêm phong trong một phong bì ký hiệu "ĐT1"), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo V 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8Plus màu đỏ, số Sêri F2LX94EDJWLM (Được niêm phong trong một phong bì "ĐT2"), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKS-HH Ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và biên bản giao nhận tài sản tạm giữ Ngày 14/3/2024 giữa Công an huyện Hiệp Hòa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2017 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ngày kể từ Ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Hải